

Bản án số: 11/2024/LĐ-ST

Ngày: 16 – 9 – 2024

V/v “*Tranh chấp về bảo hiểm, tiền
phép năm, tiền thưởng*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

2. Bà Đinh Kim Hoàng

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thụy Uyên Vy – Thư ký Tòa án nhân dân Quận X -
Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị
Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ
Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 10/2024/TLST – LĐ
ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về bảo hiểm, tiền phép năm, tiền
thưởng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 828/2024/QĐXXST- LĐ ngày 12
tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 914/2024/QĐST- LĐ ngày 28 tháng
8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Văn D, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số 56/1 B, Phường X, Quận Z, TP. H.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn K -
Luật sư Công ty Luật TNHH S, đoàn Luật sư TP. H.

Địa chỉ: 4/21 đường số I, phường H, Thành phố T, TP. H.

Bị đơn: Công ty Cổ phần M

Địa chỉ trụ sở chính: 77 đường Đ, Phường I (nay là Phường II), Quận X, Thành
phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông G - Chức vụ: Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Ngọc Phương N

(Theo giấy uỷ quyền số 09.2024/GUQ-M ngày 02 tháng 05 năm 2024)

Địa chỉ liên hệ: 77 đường Đ, Phường I, Quận X, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 27/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Văn D trình bày:

Ông Phạm Văn D làm việc cho Công ty Cổ phần M (Sau đây được gọi tắt là “Công ty”) từ ngày 05/12/2016, với chức danh chuyên môn là Người sáng tạo (sáng tạo các nội dung trên các nền tảng mạng xã hội như YouTube, Facebook...). Hợp đồng lao động số: HDLD/2017/M, được ký ngày 05/12/2016, hợp đồng lao động được thể hiện bằng Tiếng Việt và Tiếng Anh, loại Hợp đồng lao động là xác định thời hạn, thời hạn của hợp đồng lao động kể từ ngày 05/12/2016 đến ngày 04/12/2019, với mức lương là 13.410.000 đồng/tháng, ngoài ra ông D và Công ty còn ký thêm một hợp đồng, đó là Hợp đồng quản lý độc quyền bằng Tiếng Anh cũng được ký ngày 05/12/2016 và có hiệu lực từ ngày 05/12/2016 đến ngày 04/12/2019, ngoài mức lương được quy định trong Hợp đồng lao động là 13.410.000 đồng đây là lương cơ bản hàng tháng, tại Hợp đồng quản lý độc quyền ông D còn được chia theo tỷ lệ 40:60 tức là ông Phạm Văn D sẽ nhận được 40% tổng lợi nhuận cho mỗi sáng tạo nội dung của ông trên các nền tảng mạng xã hội sau khi trừ các loại thuế hiện hành, còn Công ty sẽ nhận được 60%.

Khi chuẩn bị hết hạn của hợp đồng lao động đã ký, thì Công ty và ông Phạm Văn D ký tiếp vào bản hợp đồng hợp tác số Manny/CC/191101/PHẠM VĂN D hai bên ký ngày 01/11/2019 và kèm theo ký thêm một hợp đồng thỏa thuận, đó là Thỏa thuận thưởng cổ phần, nội dung là do ông D có những đóng góp đối với hoạt động của Công ty từ năm 2016, nên Công ty tặng cho ông tổng số cổ phần là 20.000 cổ phần, loại cổ phần phổ thông, mệnh giá cổ phần là 101.695 đồng/cổ phần, được chia ra làm 04 năm nhận thưởng cổ phần như sau: Ngày 01/11/2020 ông sẽ nhận được 4.000 cổ phần; Ngày 01/11/2021 ông sẽ nhận được 4.000 cổ phần; Ngày 01/11/2022 ông sẽ nhận được 6.000 cổ phần; Ngày 01/11/2023 ông sẽ nhận được 6.000 cổ phần. Nhưng cho đến hiện nay ông vẫn chưa nhận được số cổ phần trên theo như hợp đồng thỏa thuận đã ký giữa hai bên.

Đến ngày 13/12/2020 thì Công ty và ông D ký một bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng hợp tác số: Manny/TCC/201213/PHAM VAN DU, để chấm dứt Hợp đồng hợp tác số Manny/CC/191101/PHẠM VĂN D đã ký ngày 01/11/2019. Đến ngày 14/12/2020 Công ty và ông lại ký tiếp một hợp đồng hợp tác mới số Manny/PC/201214/PHẠM VĂN D. Hợp đồng này có thời hạn đến ngày 13/12/2023.

Từ khi ký kết Hợp đồng lao động ngày 05/12/2016 cho đến ngày 13/12/2020 ông vẫn đến Công ty làm việc và sáng tạo nội dung theo như yêu cầu của Công ty, chỉ sau ngày 13/12/2020 do dịch bệnh Covid – 19 ông D mới không đến Công ty,

nhưng vẫn làm việc online tại nhà theo yêu cầu của Công ty và vẫn nhận tiền lương và nhận tỷ lệ phân chia lợi nhuận như theo hợp đồng hợp tác đã ký kết.

Kể từ khi ký kết hợp đồng lao động ngày 05/12/2016 ông D chưa nhận được sổ BHXH, ông D chỉ biết là Công ty có trừ tiền lương của ông để đóng BHXH, BHYT và BHTN hàng tháng, cho đến ngày 19/09/2023 ông D mới mail cho chị Nguyễn Ngọc Phương N – Trưởng Bộ phận pháp lý của Công ty để hỏi về sổ BHXH và hỏi về số cổ phần của ông sao chưa được nhận, thì chị N mới hẹn ông ngày 04/10/2023 lên nhận sổ BHXH, khi nhận sổ BHXH ông D mới phát hiện ra là Công ty đã đóng BHXH, BHYT, BHTN không đủ tháng cho ông và không đúng như số tiền đã ký trong hợp đồng lao động. Về phần cổ phần thưởng đại diện Công ty trả lời qua mail: ... *“Theo đó, ông Phạm Văn D sẽ có quyền được nhận thưởng 4.000 cổ phần, tức ông Phạm Văn D có quyền sở hữu 4.000 cổ phần và trở thành cổ đông của Công ty”*... Ông D đã làm việc theo Hợp đồng lao động xác định thời hạn là 36 tháng, theo quy định của Luật BHXH thì Công ty phải trả sổ BHXH cho Người lao động, nhưng cho tới ngày 04/10/2023 ông mới được nhận sổ BHXH, do đó đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi nhận BHTN của ông D.

Do hai bên không thỏa thuận được với nhau về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, tiền bồi thường BHTN, tiền phép năm và khoản cổ phần thưởng, vì vậy, ông Phạm Văn D yêu cầu Toà án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh xem xét giải quyết vấn đề sau.

(1) Yêu cầu Công ty Cổ phần M phải đóng BHXH, BHYT, BHTN còn thiếu tháng và không đúng với tiền lương của nguyên đơn trong Hợp đồng lao động đã ký cho những tháng, năm sau:

- Tháng 12/2016: $13.410.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ tháng} \times 22\% = 2.950.000 \text{ đồng}$ (1);

- Từ tháng 01/2017 đến tháng 04/2017: $13.410.000 \text{ đồng} \times 04 \text{ tháng} \times 22\% = 11.800.800 \text{ đồng}$ (2);

- Từ tháng 05/2019 đến tháng 12/2019: $13.410.000 \text{ đồng} \times 08 \text{ tháng} \times 22\% = 23.601.600 \text{ đồng}$ (3);

- Từ tháng 05/2017 đến tháng 12/2017 đóng thiếu tiền lương, không đúng như mức lương trong Hợp đồng lao động đã ký:

$13.410.000 - 5.000.000 = 8.410.000$ (số tiền lương còn thiếu chưa đóng)

$8.410.000 \text{ đồng} \times 08 \text{ tháng} \times 22\% = 14.801.600 \text{ đồng}$ (4)

(2) Yêu cầu Công ty Cổ phần M trả tiền phép năm cho những ngày chưa nghỉ theo như Hợp đồng lao động đã quy định:

- $13.410.000 \text{ đồng} : 22 \text{ ngày} \times 28 \text{ ngày} = 17.067.260 \text{ đồng}$ (5)

(3) Yêu cầu Công ty Cổ phần M phải bồi thường tiền BHTN vì đã không đóng tiền cũng như đóng thiếu tiền BHTN và không trả sổ BHXH đúng quy định, do đó ông D không được Cơ quan Bảo hiểm xã hội thanh toán khoản tiền bảo hiểm thất nghiệp như theo quy định của Luật việc làm.

- $13.410.000 \text{ đồng} \times 60\% \times 3 \text{ tháng} = 24.138.000 \text{ đồng}$ (6)

(4) Yêu cầu Công ty Cổ phần M trả cổ phần thưởng đúng như hợp đồng Thỏa thuận thưởng cổ phần đã ký ngày 01/11/2019.

- $20.000 \text{ cổ phần} \times 101.695 \text{ đồng} = 2.033.900.000 \text{ đồng}$ (7)

Tổng số tiền BHXH, BHYT, BHTN, tiền phép năm, tiền bồi thường BHTN và tiền cổ phần thưởng ông D yêu cầu bên phía Công ty Cổ phần M phải truy nộp và phải trả cho nguyên đơn là:

$(1) + (2) + (3) + (4) + (5) + (6) + (7) = 2.133.126.620 \text{ đồng}$ (Hai tỷ một trăm ba mươi ba triệu một trăm hai mươi sáu ngàn sáu trăm hai mươi đồng).

Tại phiên tòa hôm nay: ông Phạm Văn D rút một phần yêu cầu khởi kiện và thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau:

- Rút yêu cầu Công ty Cổ phần M phải đóng BHXH, BHYT, BHTN còn thiếu tháng và không đúng với tiền lương trong Hợp đồng lao động đã ký;

- Rút yêu cầu Công ty Cổ phần M phải bồi thường tiền BHTN vì đã không đóng tiền cũng như đóng thiếu tiền BHTN và không trả sổ BHXH đúng quy định,

- Yêu cầu Công ty Cổ phần M trả tiền phép năm cho những ngày chưa nghỉ theo như Hợp đồng lao động đã quy định: $13.410.000 \text{ đồng} : 22 \text{ ngày} \times 28 \text{ ngày} = 17.067.260 \text{ đồng}$

- Yêu cầu Công ty Cổ phần M trả cổ phần thưởng đúng như hợp đồng Thỏa thuận thưởng cổ phần đã ký ngày 01/11/2019 là: $4.000 \text{ cổ phần} \times 101.695 \text{ đồng} = 406.780.000 \text{ đồng}$ hoặc ghi nhận quyền sở hữu 4.000 cổ phần cho ông Phạm Văn D tại Công ty Cổ phần M.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện ủy quyền của bị đơn Công ty Cổ phần M – bà Nguyễn Ngọc Phương N trình bày:

Từ khi gia nhập Công ty Cổ phần M vào tháng 12/2016, ông Phạm Văn D và bị đơn ký kết 02 (hai) loại Hợp đồng đó là Hợp đồng Lao động và Hợp đồng Hợp tác song song với nhau. Cụ thể như sau:

Quá trình ký thực hiện Hợp đồng Lao động:

Thời gian	Vị trí công việc	Mức lương	Hồ sơ Lao động đã ký kết
-----------	------------------	-----------	--------------------------

Từ 5/12/2016 đến 31/12/2017	Nghệ sĩ/ Người sáng tạo	13.410.000 đồng	(i) Hợp đồng Lao động số HDLD/2017/Manny-09 ký ngày 05/12/2016;
Từ 1/1/2018 đến 30/4/2019	Nghệ sĩ/ Người sáng tạo	13.541.899 đồng	(ii) Phụ lục Hợp đồng Lao động ký ngày 01/01/2018 (<i>Điều chỉnh về lương</i>) (iii) Thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng Lao động số LCTA/190501/PHAM VAN DU ký ngày 01/05/2019

Quá trình ký và thực hiện Hợp đồng Hợp tác:

Thời gian	Vị trí Công việc	Doanh thu chia sẻ	Hồ sơ Lao động đã ký kết
Từ 5/12/2016 đến 30/10/2019	Nghệ sĩ độc quyền	Công ty 60% - Nghệ sĩ 40%	(i) Hợp đồng Quản lý độc quyền số 01/2016/HĐQKĐQ ký ngày 05/12/2016 (“ Hợp đồng Hợp tác 1 ”)
Từ 1/11/2019 đến 13/12/2020	Nghệ sĩ độc quyền	Công ty 50% - Nghệ sĩ 50%	(ii) Hợp đồng Hợp tác số Manny/CC/191101/PHẠM VĂN D ký ngày 01/11/2019 (“ Hợp đồng Hợp tác 2 ”); (iii) Thỏa thuận Chấm dứt Hợp đồng Hợp tác 1 số Manny /TCC/201213/PHAM VAN DU ký ngày 13/12/2020; <i>“Thỏa Thuận Thương Cổ Phần” mà Nguyên đơn đề cập tại yêu cầu khởi kiện là Thỏa Thuận các bên ký kết với nhau trong thời điểm thực hiện “Hợp đồng Hợp tác 2”.</i>

Từ 14/12/2020 đến 13/12/2023	Nghệ sĩ đối tác	Công ty 30% - Nghệ sĩ 70%	(iv) Hợp đồng Hợp tác số Manny / PC / 201214 / PHAM VAN DU (“Hợp đồng Hợp tác 3”)
---------------------------------	--------------------	------------------------------	--

Lý do Công ty và ông D vừa ký kết Hợp đồng Lao động và Hợp đồng Hợp tác: Bản chất mối quan hệ giữa các bên là mối quan hệ hợp tác để thực hiện quảng cáo, xây dựng nội dung và đăng tải trên các nền tảng kỹ thuật số để tạo ra thu nhập và chia sẻ thu nhập đó theo tỷ lệ. Tuy nhiên, khoảng thời gian đầu vào năm 2016 thì công việc liên quan đến mạng xã hội của Người sáng tạo nội dung còn chưa phổ biến như hiện nay và các nguồn tạo ra thu nhập chưa ổn định. Do đó, để đảm bảo thu nhập ổn định ban đầu, Công ty đã ký kết “Hợp đồng Lao động” để Nghệ sĩ có nguồn thu nhập hằng tháng, song song với đó, các Bên ký kết “Hợp đồng Hợp tác” để chia sẻ doanh thu từ việc quảng cáo và sáng tạo nội dung.

Đến giữa năm 2019, khi các kênh nền tảng kỹ thuật số đã tạo ra nguồn thu ổn định, doanh thu đến từ quảng cáo cũng tăng lên, các bên đã đồng thuận chấm dứt Hợp đồng Lao động từ ngày 1/5/2019. Do đó, có thể kết luận rằng Hợp đồng Lao động không đi kèm với Hợp đồng Quản lý Độc quyền/ hoặc Hợp đồng Hợp tác. Đến nay, mối quan hệ giữa Nguyên đơn và Bị đơn là mối quan hệ Hợp tác dựa trên Hợp đồng Hợp tác đã ký kết.

Thỏa Thuận Thương Cổ Phần là quyền lợi đi kèm với Hợp đồng Hợp tác số Manny/CC/191101/PHẠM VĂN D (“Hợp đồng Hợp tác 2”) không liên quan đến Hợp đồng Lao động. Vì Hợp đồng Hợp tác 2 chấm dứt vào ngày 13/12/2020 nên ông D chỉ được quyền nhận thưởng tương đương với số lượng cổ phần có ngày sở hữu cổ phần trước ngày Hợp đồng Hợp tác 2 chấm dứt. Căn cứ vào giai đoạn nhận thưởng được trích từ Thỏa thuận thưởng cổ phần thì chỉ có 4.000 cổ phần đầu tiên được cấp vì có Ngày Sở Hữu Cổ Phần là 1/11/2020. Số lượng cổ phần còn lại tức 16.000 cổ phần không có hiệu lực vì Hợp đồng Hợp tác giữa đã chấm dứt.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 14.2 của “Hợp đồng Hợp tác 2” thì thẩm quyền giải quyết mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này là Trung Tâm Trọng Tài Thương Mại Phía Nam (STAC).

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn có ý kiến như sau:

(1) Yêu cầu Công ty Cổ phần M phải đóng BHXH, BHYT, BHTN còn thiếu tháng và không đúng với tiền lương của nguyên đơn: Phía bị đơn thừa nhận do sai

sót nội bộ nên phía Công ty còn đóng thiếu Bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn từ tháng 12/2016 đến 4/2017 là 05 tháng, mức lương đóng BHXH cho ông Phạm Văn D với mức lương đóng là 13.410.000 đồng/tháng; Công ty Cổ phần M xác nhận từ tháng 05/2017 đến tháng 12/2017 đóng thiếu tiền lương, không đúng như mức lương trong Hợp đồng lao động đã ký (*Mức lương thực nhận của người lao động là 13.410.000; Mức lương công ty đóng BHXH cho người lao động là 5.000.000 đồng*).

(2) Đối với yêu cầu thứ hai về trả tiền phép năm: Do Các bên đã ký “Thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng Lao động số LCTA/190501/PHAM VAN DU” vào ngày 01/05/2019, các bên đã đồng thuận “Chấm dứt Hợp đồng Lao động số HDLD/2017/Manny-09 ký ngày 5/12/2016 trước thời hạn mà không có bất kỳ lý do hoặc sự bồi thường nào.

Nghỉ phép năm là quyền lợi, chế độ của người lao động; việc nghỉ phép năm là hành vi của Nguyên đơn, do đó, Nguyên đơn phải biết rõ hành động của mình. Trong trường hợp không biết rõ có thể yêu cầu Nguyên đơn cung cấp thông tin. Tuy nhiên, vào ngày 1/5/2019, tại thời điểm các bên ký kết “Thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng Lao động số LCTA/190501/PHAM VAN DU”, nguyên đơn cũng xác nhận rằng “giữa hai bên không có bất kỳ sự bồi thường nào”.

Bị đơn hoàn toàn không đồng ý với yêu cầu này, vì thời hiệu khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động cá nhân về quyền và nghĩa vụ, lợi ích phát sinh giữa các bên trong quá trình chấm dứt quan hệ lao động cũng đã hết.

(3) Đối với yêu cầu thứ ba về Bồi thường tiền Bảo hiểm Thất nghiệp: Bị đơn hoàn toàn không đồng ý với yêu cầu này. Bị đơn có sai sót trong việc không tham gia bảo hiểm không ảnh hưởng về quyền yêu cầu được hưởng trợ cấp thất nghiệp của Nguyên đơn và cũng không ảnh hưởng đến mức hưởng trợ cấp thất nghiệp của Nguyên đơn. Ngoài ra, để được hưởng trợ cấp thất nghiệp, Nguyên đơn phải nộp bộ hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp để nhận được khoản trợ cấp này tại cơ quan có thẩm quyền. Không phải là khoản trợ cấp đương nhiên được hưởng sau khi chấm dứt Hợp đồng lao động.

(4) Đối với yêu cầu về cổ phần thưởng: Bị đơn cho rằng, yêu cầu liên quan đến “Thỏa thuận thưởng cổ phần” thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung tâm Trọng tài Thương mại Phía Nam (STAC), không thuộc thẩm quyền của Tòa án Nhân dân Quận X Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ theo Khoản 1, Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và Điểm (g), Khoản 1, Điều 217 và Điểm (đ): Bị đơn đề nghị Tòa án ra quyết định đình chỉ đối với yêu cầu liên quan đến “Thỏa thuận thưởng cổ phần” do yêu cầu này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa: Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn Công ty Cổ phần M là bà Nguyễn Ngọc Phương N trình bày:

Bị đơn đồng ý việc ông Phạm Văn D xin rút yêu cầu - Rút Yêu cầu Công ty Cổ phần M phải đóng BHXH, BHYT, BHTN còn thiếu tháng và không đúng với tiền lương trong Hợp đồng lao động đã ký và việc nguyên đơn rút Yêu cầu Công ty Cổ phần M phải bồi thường tiền BHTN vì đã không đóng tiền cũng như đóng thiếu tiền BHTN và không trả sổ BHXH đúng quy định,

Ngoài ra, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn Công ty Cổ phần M là bà Nguyễn Ngọc Phương N không đồng ý với những yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố H phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tại phiên tòa, ông Phạm Văn D rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc Công ty Cổ phần M thanh toán BHXH còn thiếu tháng và không đúng với tiền lương và bồi thường tiền BHTN và thay đổi yêu cầu hưởng 4.000 cổ phần thưởng. Do ông Phạm Văn D xin rút yêu cầu đối với việc buộc Công ty Cổ phần M phải đóng còn thiếu tháng và không đúng với tiền lương và bồi thường tiền BHTN nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này của Nguyên đơn.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Không xem xét giải quyết yêu cầu của ông Phạm Văn D buộc Công ty Cổ phần M trả tiền phép năm cho những ngày chưa nghỉ theo như Hợp đồng lao động do hết thời hiệu khởi kiện và bị đơn đề nghị áp dụng thời hiệu;

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn D về việc yêu cầu Công ty Cổ phần M trả 4.000 cổ phần thưởng đúng như hợp đồng Thỏa thuận thưởng cổ phần đã ký ngày 01/11/2019.

Về án phí lao động sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:*

Nguyên đơn ông Phạm Văn D khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty Cổ phần M về tranh chấp “*bảo hiểm xã hội, tiền phép năm, bồi thường bảo hiểm thất nghiệp*” là

tranh chấp lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tại thời điểm nguyên đơn Phạm Văn D nộp đơn khởi kiện, bị đơn Công ty Cổ phần M có địa chỉ trụ sở tại số 77 đường Đoàn Như Hải, Phường 12 (nay là Phường 13), Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh và hiện nay chưa đăng ký giải thể, nên Tòa án nhân dân Quận X thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.3] Về điều kiện khởi kiện:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như sự xác nhận của các bên đương sự tại phiên toà thì sau khi nhận thấy quyền lợi hợp pháp bị xâm phạm, ông Phạm Văn D đã có đơn yêu cầu tiến hành hoà giải thông qua thủ tục hoà giải của hoà giải viên lao động tại cơ quan có thẩm quyền. Do các bên không thống nhất được việc giải quyết tranh chấp lao động nên Phòng Lao động Thương binh và Xã hội Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh đã lập biên bản hoà giải không thành vào ngày 22/11/2023, ông Phạm Văn D nộp đơn khởi kiện tại Toà án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh là đảm bảo điều kiện khởi kiện tại Bộ luật Lao động.

[1.4] Về thủ tục tố tụng và sự có mặt, vắng mặt của các đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh nhận được Đơn yêu cầu luật sư về việc cử luật sư Ông Phạm Văn Khang là người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn – ông Phạm Văn D. Sau khi kiểm tra giấy tờ và thấy người đề nghị có đủ điều kiện làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự theo quy định tại các khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 75 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh đã vào sổ đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và xác nhận vào giấy yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 12/8/2024, Toà án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 828/2024/QĐXXST-LĐ về việc mở phiên tòa vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 28/8/2024. Ngày 20/8/2024, Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh nhận được đơn xin hoãn phiên tòa của bà Nguyễn Ngọc Phương N là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn Công ty Cổ phần M. Do đó, Tòa án không thể tiến hành xét xử vụ án được. Ngày 28/8/2024, Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định hoãn phiên tòa số 914/2024/QĐST-LĐ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 267/2024/QĐXXST-LĐ về việc mở lại phiên tòa vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 16/9/2024. Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn

ông Phạm Văn D có mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm Văn D là ông Phạm Văn Khang có mặt, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn Công ty Cổ phần M là bà Nguyễn Ngọc Phương N có mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành phiên toà theo quy định pháp luật.

[2] *Về nội dung tranh chấp:*

[2.1] Xét yêu cầu của ông Phạm Văn D về việc buộc Công ty Cổ phần M có trách nhiệm phải đóng BHXH, BHYT, BHTN còn thiếu tháng và không đúng với tiền lương của ông D trong Hợp đồng lao động và bồi thường tiền BHTN:

Tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu về việc buộc Công ty Cổ phần M có trách nhiệm phải đóng BHXH, BHYT, BHTN còn thiếu tháng và không đúng với tiền lương của ông D trong Hợp đồng lao động và yêu cầu bồi thường tiền BHTN nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[2.2] Xét yêu cầu của ông Phạm Văn D về việc yêu cầu Công ty Cổ phần M trả tiền phép năm cho những ngày chưa nghỉ theo như Hợp đồng lao động:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Ngày 05/12/2016, ông Phạm Văn D và Công ty Cổ phần M có thoả thuận ký kết hợp đồng lao động số HDLD/2017/Manny có thời hạn kể từ 05/12/2016 đến ngày 04/12/2019. Theo đó, ông Phạm Văn D giữ chức danh chuyên môn là Người sáng tạo (sáng tạo các nội dung trên các nền tảng mạng xã hội như Youtube, Facebook,...) với mức lương 13.410.000 đồng/ tháng. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng lao động được hai bên ký kết ngày 05/12/2016 về Quyền lợi của Người lao động có ghi rõ Người lao động được nghỉ 12 ngày phép/năm.

Ngày 01/05/2019, các bên đã ký Thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng Lao động số LCTA/190501/PHAMVANDU, giữa hai bên đồng thuận việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn mà không có bất kỳ lý do hoặc sự bồi thường nào

Ngay tại thời điểm ký kết “Thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng Lao động số LCTA/190501/PHAM VAN DU” giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác nhận giữa hai bên không có bất kỳ sự bồi thường nào đã thể hiện Nguyên đơn không hề có yêu cầu gì về việc “Bồi thường tiền phép năm cho những ngày chưa nghỉ” như trình bày tại yêu cầu khởi kiện.

Xét về Thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động cá nhân tại Điều 202 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 (Bộ Luật Lao động 2012) quy định “*Thời hiệu yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp lao động cá nhân là 01 năm kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà bên tranh chấp cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm*”. Tranh chấp ở đây cụ thể là “Tranh chấp lao động về quyền và nghĩa vụ,

lợi ích phát sinh giữa các bên trong quá trình chấm dứt quan hệ lao động” được quy định tại Điều 201 Bộ Luật Lao động 2012.

Do bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện và thời hiệu khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động cá nhân về quyền và nghĩa vụ, lợi ích phát sinh giữa các bên trong quá trình chấm dứt quan hệ lao động cũng đã hết nên căn cứ điểm e điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu Công ty Cổ phần M trả tiền phép năm cho những ngày chưa nghỉ là 17.067.260 đồng của nguyên đơn.

[2.3] Xét yêu cầu của ông Phạm Văn D về việc yêu cầu Công ty Cổ phần M trả cổ phần thưởng đúng như hợp đồng Thỏa thuận thưởng cổ phần đã ký ngày 01/11/2019, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Ngày 01/11/2019 Ông Phạm Văn D và bị đơn Công ty Cổ phần M ký hợp đồng hợp tác số Manny/CC/191101/PHẠM VĂN D và kèm theo Hợp đồng hợp tác các bên có ký thêm một thỏa thuận, đó là Thỏa thuận thưởng cổ phần, nội dung là do ông D có những đóng góp đối với hoạt động của Công ty từ năm 2016, nên Công ty tặng cho ông tổng số cổ phần là 20.000 cổ phần, loại cổ phần phổ thông, mệnh giá cổ phần là 101.695 đồng/cổ phần, được chia ra làm 04 năm nhận thưởng cổ phần như sau: Ngày 01/11/2020 ông sẽ nhận được 4.000 cổ phần; Ngày 01/11/2021 ông sẽ nhận được 4.000 cổ phần; Ngày 01/11/2022 ông sẽ nhận được 6.000 cổ phần; Ngày 01/11/2023 ông sẽ nhận được 6.000 cổ phần.

Thỏa Thuận Thưởng Cổ Phần là quyền lợi đi kèm với Hợp đồng Hợp tác số Manny/CC/191101/PHẠM VĂN D (*Hợp đồng Hợp tác 2*) không liên quan gì đến Hợp đồng Lao động. Vì Hợp đồng Hợp tác 2 đã chấm dứt vào ngày 13/12/2020. Ngoài ra, căn cứ vào Điều 14.2 của “Hợp đồng Hợp tác 2” thì thẩm quyền giải quyết mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến hợp đồng này là Trung Tâm Trọng Tài Thương Mại Phía Nam (STAC).

Phía bị đơn cũng đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu này của nguyên đơn do theo thỏa thuận đã ký kết, trường hợp có tranh chấp đối với việc thưởng cổ phần thì cơ quan giải quyết là Trung Tâm Trọng Tài Thương Mại Phía Nam (STAC).

Căn cứ theo Khoản 1, Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và Điểm g Khoản 1, Điều 217 Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu liên quan đến “Thỏa thuận thưởng cổ phần” do yêu cầu này không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn, bị đơn không phải chịu án phí trên toàn bộ yêu

cầu khởi kiện về tiền bảo hiểm xã hội, tiền phép năm, tiền bảo hiểm thất nghiệp, tiền thưởng cổ phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 93, Điều 94, khoản 1 Điều 147, Điều 203, Điểm g khoản 2 Điều 217, Điều 220, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành 01/7/2016;

- Căn cứ 36, Điều 90, Điều 96, Điều 111, Điều 114, Chương VIII, Điều 201, Điều 202 Bộ luật lao động 2012 có hiệu lực thi hành 01/5/2013;

- Căn cứ Luật bảo hiểm xã hội năm 2014; Nghị định 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 ;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12, Khoản 3 Điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Phạm Văn D về việc buộc Công ty Cổ phần M phải thực hiện nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 05/2019 đến tháng 12/2019

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu Công ty Cổ phần M phải bồi thường tiền Bảo hiểm thất nghiệp vì Công ty Cổ phần M đã không đóng tiền cũng như đóng thiếu tiền bảo hiểm thất nghiệp và không trả sổ Bảo hiểm xã hội đúng quy định.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Phạm Văn D về việc yêu cầu Công ty Cổ phần M trả tiền phép năm cho những ngày chưa nghỉ theo như Hợp đồng lao động do hết thời hiệu khởi kiện.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Phạm Văn D về việc yêu cầu Công ty Cổ phần M trả cổ phần thưởng đúng như hợp đồng Thỏa thuận thưởng cổ phần đã ký ngày 01/11/2019 do vụ việc không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

2. Về án phí:

- Ông Phạm Văn D không phải chịu án phí lao động sơ thẩm;

- Công ty Cổ phần M không phải chịu án phí lao động sơ thẩm

- Hoàn lại cho ông Phạm Văn D số tiền tạm ứng án phí 22.017.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số BLTU/23P/0034191 ngày 19/03/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.H;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận X;
- Chi cục Thi hành án Quận X;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Xuân Quỳnh

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận X;
- Chi cục Thi hành án Quận X;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Xuân Quỳnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA